

QUY ĐỊNH

**Chế độ tiền thưởng áp dụng đối với huấn luyện viên,
vận động viên thể thao thuộc thành phố Đà Nẵng**
(Kèm theo Nghị quyết số: 33 /2021/NQ-HĐND ngày 12/8/2021
của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chế độ tiền thưởng áp dụng đối với huấn luyện viên, vận động viên thuộc thành phố Đà Nẵng đạt thành tích tại các giải thể thao quốc gia, quốc tế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thuộc thành phố Đà Nẵng quyết định cử các vận động viên, huấn luyện viên tham dự các giải thi đấu quốc gia và quốc tế.
2. Huấn luyện viên, vận động viên thể thao thuộc thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Quy định chế độ tiền thưởng áp dụng đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành phố Đà Nẵng là công dân Việt Nam, lập thành tích tại các giải thi đấu quốc gia, cụ thể như sau:

1. Chế độ tiền thưởng đối với vận động viên
 - a) Các môn thể thao cá nhân mức thưởng cụ thể như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Mức thưởng	Mức thưởng khi phá kỷ lục	Ghi chú
1	Đại hội Thể dục, thể thao toàn quốc			
	Huy chương vàng	12.000	12.000	Phá kỷ lục quốc gia tại Đại hội
	Huy chương bạc	8.000		
	Huy chương đồng	6.000		
2	Giải Vô địch Quốc gia			
	Huy chương vàng	10.000	10.000	
	Huy chương bạc	6.000		
	Huy chương đồng	4.000		
3	Vô địch trẻ, giải các nhóm tuổi Quốc gia, vận động viên dưới 12 tuổi			
	Huy chương vàng	2.000	2.000	
	Huy chương bạc	1.200		
	Huy chương đồng	800		

4	Vô địch trẻ, giải các nhóm tuổi Quốc gia, vận động viên từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi			
	Huy chương vàng	3.000	3.000	
	Huy chương bạc	1.800		
	Huy chương đồng	1.200		
5	Vô địch trẻ, giải các nhóm tuổi Quốc gia, vận động viên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi			
	Huy chương vàng	4.000	4.000	
	Huy chương bạc	2.400		
	Huy chương đồng	1.600		
6	Vô địch trẻ, giải các nhóm tuổi Quốc gia, vận động viên từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi			
	Huy chương vàng	5.000	5.000	
	Huy chương bạc	3.000		
	Huy chương đồng	2.000		
7	Đại hội, giải thể thao người khuyết tật toàn quốc			
	Huy chương vàng	5.000	5.000	
	Huy chương bạc	3.000		
	Huy chương đồng	2.000		
8	Các giải thuộc hệ thống thi đấu thể thao quần chúng cấp Quốc gia			
	Huy chương vàng	3.000	3.000	
	Huy chương bạc	1.800		
	Huy chương đồng	1.200		

b) Đối với các môn thể thao tập thể: Mức thưởng chung bằng số lượng người tham gia môn thể thao tập thể, nhân với mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Quy định này.

c) Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội, được tính trong cùng một lần thi, thì từ huy chương thứ hai trở lên, mức thưởng chung cho vận động viên bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Quy định này.

2. Chế độ tiền thưởng đối với huấn luyện viên

a) Các môn thể thao cá nhân: Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích trong các cuộc thi đấu, thì mức thưởng chung được tính bằng mức thưởng đối với vận động viên đạt giải theo điểm a khoản 1 Điều 3 Quy định này.

b) Đối với các môn thể thao tập thể: Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập thành tích thì được hưởng mức thưởng chung bằng với mức thưởng đối với vận động viên đạt giải nhân với số lượng huấn luyện viên theo quy định như sau:

Dưới 04 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên; từ 04 đến 08 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên; từ 09 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên; từ 13 đến 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 04 huấn luyện viên; trên 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 05 huấn luyện viên. Số lượng vận động viên tham gia thi đấu là số lượng người thi đấu chính thức được quy định bởi luật hoặc điều lệ thi đấu.

c) Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội, được tính trong cùng một lần thi, thì từ huy chương thứ hai trở lên, mức thưởng chung cho huấn luyện viên bằng số lượng người được thưởng, nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Quy định này.

d) Đối với huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện vận động viên người khuyết tật lập thành tích trong các đại hội, giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật toàn quốc thì mức tiền thưởng được tính bằng 50% mức tiền thưởng đối với vận động viên.

e) Đối với huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện vận động viên đạt thành tích tại các giải thuộc hệ thống thi đấu thể thao quần chúng cấp quốc gia thì mức tiền thưởng được tính bằng 50% mức tiền thưởng đối với vận động viên.

Điều 4. Quy định chế độ tiền thưởng áp dụng đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành phố Đà Nẵng là công dân Việt Nam, lập thành tích tại các giải thi đấu cấp quốc tế:

Mức thưởng bằng 50% mức thưởng quy định tại Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu. Trường hợp có các văn bản mới thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung văn bản trên thì được áp dụng theo văn bản mới.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Kinh phí chi trả chế độ tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu quốc gia, quốc tế được sử dụng từ nguồn kinh phí sự nghiệp thể thao bố trí trong dự toán chi hằng năm của Sở Văn hóa và Thể thao.

2. Khuyến khích các cá nhân, đơn vị và các tổ chức liên quan khai thác các nguồn thu hợp pháp khác để bổ sung thêm chế độ tiền thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên./.